

QUYẾT ĐỊNH

Quy định giá về dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải;

Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BXD ngày 02 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp định giá dịch vụ thoát nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về đơn giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1.

2. Đối tượng áp dụng

a) Các tổ chức (trong nước hoặc nước ngoài) có xả nước thải vào hệ thống thu gom của Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1;

b) Công ty Phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang là đơn vị cung cấp dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải.

Điều 2. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải

1. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với nước thải loại A (QCVN 40:2011/BTNMT) xả vào hệ thống thu gom Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 là 3.300 đồng/m³.

2. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với nước thải loại B (QCVN 40:2011/BTNMT) xả vào hệ thống thu gom Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1 là 6.900 đồng/m³.

3. Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải đối với nước thải vượt loại B (QCVN 40:2011/BTNMT) xả vào hệ thống thu gom Trạm xử lý nước thải tập trung Khu công nghiệp Sông Hậu - giai đoạn 1, cụ thể như sau:

Stt	Loại nước thải vượt loại B	Hàm lượng COD (mg/l)	Hệ số K	Giá cụ thể (đồng/m ³)
1	Mức 1	151 - 200	1,5	10.350
2	Mức 2	201 - 300	2	13.800
3	Mức 3	301 - 400	2,5	17.250
4	Mức 4	401 - 600	3,5	24.150
5	Mức 5	>600	4,5	31.050

Giá dịch vụ thoát nước và xử lý nêu trên đã bao gồm phí bảo vệ môi trường, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

Điều 3. Quản lý và sử dụng giá dịch vụ

1. Khi thu tiền cung ứng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải, đơn vị lập, sử dụng hóa đơn cung ứng dịch vụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ và các văn bản liên quan.

2. Nguồn thu từ cung ứng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải sau khi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật, thủ trưởng đơn vị có quyền quản lý, sử dụng và điều hòa kinh phí theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 08 tháng 10 năm 2018.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Trưởng ban Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hậu Giang; Giám đốc Công ty phát triển hạ tầng khu công nghiệp Hậu Giang; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh Hậu Giang; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *nd*

Nơi nhận: *Đh*

- VP. Chính phủ (HN - TP. HCM);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Tổng Cục Thuế;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- VP. Tỉnh ủy, các Ban Đảng;
- VP: Đoàn ĐBQH, HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các Đoàn thể tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Như Điều 5;
- Lưu: VT, KT. *PHH*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KI, CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Tuấn
Nguyễn Văn Tuấn